

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-PT

Ngày 10-8-2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, tài sản gắn liền với đất và
yêu cầu hủy một phần Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Đức Châm

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐ-PT ngày 02/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Văn Q, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trung V - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Hoàng Thị K, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Hoàng Thị K: Bà Lương Thị Hương L, Trợ giúp viên pháp lý, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp

pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bà Hoàng Thị M, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Hoàng Thị M: Bà Chu Thị Nguyễn Ph - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị T, có mặt;

2. Chị Phùng Thị V, vắng mặt;

3. Chị Phùng Thị N, vắng mặt;

4. Anh Phùng Văn M, vắng mặt. Cùng có địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn,

5. Anh Lý Văn V, có mặt.

6. Anh Lý Văn D, có mặt. Có cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, .

7. Chị Lý Thị N, vắng mặt;

8. Anh Lý Văn C, vắng mặt;

9. Chị Lý Thị H, vắng mặt;

10. Anh Lý Văn Y, vắng mặt.

11. Anh Lý Văn T, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

12. Chị Lý Thị M, địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

13. Bà Lý Thị S, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

14. Chị Lý Thị T, vắng mặt.

15. Chị Lý Thị T, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

16. Ông Lý Văn L, vắng mặt.

17. Bà Lý Thị P, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

18. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Phương T - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo quyết định ủy quyền số: 5922/QĐ-UBND, ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn) vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Âu Trung Tr, vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị D, vắng mặt.

3. Ông Phùng Văn Ch, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Ông Hứa Đức V, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Phùng Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai và tài sản gắn liền với đất. Trong đó: Bà Hoàng Thị K và bà Hoàng Thị M tranh chấp mỗi người 0,5ha, tổng diện tích đất tranh chấp là khoảng 01 ha, thuộc một phần của thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp của xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tại địa danh đồi Anh Co, Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T. Theo Mảnh trích đo của Công ty cổ phần trắc địa Tài nguyên và Môi trường Sông T chi nhánh Lạng Sơn đo đạc cụ thể: Phần tranh chấp với bà Hoàng Thị K tại thửa đất số 141.2, tờ bản đồ số 01, diện tích là: 4.389,0 m², tài sản trên đất gồm có 06 cây sau sau đường kính gốc trên 20-30 cm. Tranh chấp với bà Hoàng Thị M tại thửa đất số 141.1, tờ bản đồ số 01 diện tích: 5.981m², tài sản trên đất gồm 01 cây sau sau đường kính gốc trên 20-30cm. Tổng diện tích đất tranh chấp là 10.370 m². Bà Hoàng Thị M cũng có lô đất tiếp giáp ngay sát lô đất nhà ông, nhưng đất của bà Hoàng Thị M có địa danh thôn Nà Pè, xã Đ, thửa đất của gia đình ông và thửa đất của gia đình bà Hoàng Thị M có danh giới cách nhau khoảng 3m. Đến năm 2019 xảy ra tranh chấp với bà Hoàng Thị K và bà Hoàng Thị M vụ việc đã được hòa giải tại thôn, xã nhưng không thành. Tại buổi xem xét thẩm định diện tích đất tranh chấp do ông đã xác định vượt quá diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141.1, tờ bản đồ số 01 diện tích 829 m², phần diện tích đất này quy chủ là ông Lý Văn P có ký hiệu từ A1, A2, A13, ông không yêu cầu quản lý, sử dụng vì đất này là của ông Lý Văn P. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết các điểm giáp theo mép ruộng của bà Hoàng Thị M từ điểm A3, A4, A5 diện tích 83m² và các điểm A5, A6, A7 diện tích là: 132m².

Nay ông Phùng Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp với bà Hoàng Thị K là: 4.389,0 m², tài sản trên đất gồm có 06 cây sau sau đường kính gốc trên 20-30 cm. Tranh chấp với bà Hoàng Thị M diện tích: 5.981 m², tài sản trên đất gồm 01 cây sau sau đường kính gốc trên 20-30cm. Tổng diện tích đất tranh chấp là 10.370 m². Thuộc một phần của thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp của xã Q, huyện L, nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, tại địa danh đồi Anh Co, Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị K và

bà Hoàng Thị M yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện L đã cấp cho gia đình ông và yêu cầu sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Về tạm ứng chi phí tố tụng: Ông Phùng Văn Q đã nộp tạm ứng và chi phí tố tụng là 22.709 000 đồng. Ông yêu cầu các bị đơn phải trả cho ông các khoản đã chi phí. Cụ thể: Chi phí đo đạc trích đo thửa đất phân đất tranh chấp với bà Hoàng Thị K là 8.139.000 đồng, với bà Hoàng Thị M là 10.570.000 đồng.

Tại Bản khai ngày 21-10-2020 cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa bà Hoàng Thị M trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn Phùng Văn Q với lý do nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do ông Lý Văn Toàn (đã chết năm 1983) là bố đẻ Lý Văn P chia cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng từ năm 1981, việc chuyển quyền không lập văn bản, diện tích khoảng 0,5 ha. Trên đất có một số cây sau sau, cây dã hương và các cây gỗ thông thường tự mọc, bà không biết là có bao nhiêu cây, từ khi nhận thửa đất gia đình bà cũng không trồng cây gì trên đất, chỉ trồng hoa màu như sắn, gừng trồng được khoảng hai đến ba năm thì bỏ, sau đó rừng mọc các loại cây gỗ tạp, gia đình quản lý để lấy củi. Năm 1997 ông Phùng Văn Q được Lâm trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn, giao đất trồng thông theo dự án 327 tiếp giáp với đất rừng nhà bà, khi ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T trồng cây thông gần phần đất giáp ranh với đất rừng của gia đình bà, bà đã nói không được trồng xuống đất có cây gỗ tạp là rừng tự nhiên của gia đình bà. Khoảng năm 2012 gia đình bà chặt 05 cây dã hương mỗi cây đường kính khoảng 35cm về làm nhà, ông Phùng Văn Q đi cạo nhựa thông cũng biết nhưng không có ý kiến gì. Từ khi được gia đình chia đất, bà quản lý thường xuyên liên tục không tranh chấp với ai. Năm 2012 gia đình ông Phùng Văn Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả phần đất của gia đình bà quản lý, sử dụng là khoảng 0,5 ha, việc ông Phùng Văn Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà cũng không biết, không được thông báo. Gia đình bà cũng chưa thực hiện kê khai đăng ký đề nghị cấp Giấy chứng nhận thửa đất này lần nào. Năm 2019, ông Phùng Văn Q tranh chấp với gia đình bà đã được thôn, xã hòa giải nhưng không thành. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp theo Mảnh trích đo khu đất tranh chấp, diện tích đất đang tranh chấp tại thửa 141.1, tờ bản đồ số 01, địa danh đồi Anh Co, Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích là: 5.981 m², bà yêu cầu được quản lý sở hữu tài sản trên đất tranh chấp và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T. Về chi phí tố tụng bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản khai đề ngày 20-10-2020 cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị K trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang chấp do ông Lý Phụng T (đã chết năm 1998) là bố đẻ của chồng bà là Lý Văn Nh, chia thửa đất cho cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng từ năm 1976, không lập bằng văn bản gì chỉ nói bằng miệng, diện tích khoảng 01 ha là rừng tự nhiên, tại địa danh đồi Anh Co, thôn Ch xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tài sản trên đất chỉ có một số cây thông thường và 05 cây dã hương to tự mọc, từ khi nhận đất vợ chồng bà cũng không trồng cây gì trên đất. Khoảng năm 1996 ông Phùng Văn Q được

Lâm trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn phân chia khu đất giáp ranh với khu đất gia đình bà và trồng cây thông trên đất giáp ranh, khi ông Phùng Văn Q trồng thông bà đã đến khu đất và có ý kiến, không cho ông Phùng Văn Q trồng cây thông xuống rừng phía dưới là rừng tự nhiên của gia đình bà. Bà đã quản lý sử dụng thường xuyên liên tục từ năm 1976 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo mảnh trích đo khu đất tranh chấp, diện tích đất đang tranh chấp tại thửa 141.2, tờ bản đồ số 01, địa danh đồi Anh Co, Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích là: 4.389 m², yêu cầu được quản lý sở hữu tài sản trên đất tranh chấp và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T. Về chi phí tố tụng; đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản khai đề ngày 21-10-2020 những lời trình bày tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị M, nhất trí với các yêu cầu của bà Hoàng Thị M không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản khai đề ngày 21-10-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T vợ ông Phùng Văn Q cùng các con là Phùng Thị V, Phùng Thị N, Phùng Văn M, trình bày: Đồng ý với ý kiến của ông Phùng Văn Q không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản khai đề ngày 21-10-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lý Văn V, anh Lý Văn Y, anh Lý Văn C, chị Lý Thị H, Chị Lý Thị M, Lý Thị T, chị Lý Thị T là con của bà Hoàng Thị K, trình bày: Đồng ý với trình bày của bà Hoàng Thị K không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản khai đề ngày 21-10-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lý Văn T, chị Lý Thị N con của bà Hoàng Thị M trình bày: Đồng ý với trình bày của bà Hoàng Thị M, đã ủy quyền cho anh Lý Văn D tham gia tố tụng, không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản khai đề ngày 26-11-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn L (là em ông Lý Văn P - đã chết năm 2010) và của bà Lý Thị S (chị ông Lý Văn P) trình bày: Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp giữa ông Phùng Văn Q và bà Hoàng Thị M, do bố ông là Lý Văn Toàn quản lý, là rừng tự nhiên chỉ có các loại cây gỗ tạp tự mọc. Khoảng năm 1987 ông Lý Văn Toàn giao cho anh trai Lý Văn P quản lý, sử dụng, gia đình Lý Văn P cũng không trồng cây gì trên đất. Năm 1997 do Lâm trường L thực hiện dự án 327 giao đất cho dân ở thôn Chộc Pháo để trồng thông, ông Phùng Văn Q được giao đất ở phần phía trên đồi Anh Co, gia đình anh Lý Văn P có rừng tự nhiên ở phía dưới. Đất đang tranh chấp là thuộc quyền thừa kế của gia đình bà Hoàng Thị M.

Tại Bản khai ngày 17-11-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lý Thị P (là chị ông Lý Văn Nh – đã chết năm 1998) trình bày:

Nguồn gốc khu đất hiện nay đang tranh chấp, giữa ông Phùng Văn Q và bà Hoàng Thị K, do bố đẻ bà là ông Lý Phượng T và mẹ Hoàng Thị V quản lý để lấy củi, từ năm nào bà không nhớ, là rừng tự nhiên chỉ có các cây tạp tự mọc, gia đình bố mẹ bà quản lý, bà cũng không thấy bố mẹ trồng thông hay trồng cây

gì trên đất, chồng bà Hoàng Thị M là con ông Lý Văn Toàn, em trai của ông Lý Phụng T, hai anh em mỗi người quản lý một nửa quả đồi Anh Co, thôn C, xã Đ. Khi bà còn ở chung với bố mẹ, bà cũng không thấy bố mẹ chia thửa đất đồi Anh Co này cho ai, sau này được nghe bố mẹ nói đất rừng Anh Co là để lại cho Lý Văn Nh (năm 1998 đã chết), thì thửa đất này để lại cho vợ là Hoàng Thị K và các con của Lý Văn Nh được tiếp tục quản lý sử dụng.

Tại Bản tự khai ngày 25-11-2020 cùng những lời trình bày tiếp theo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Phương Th - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Hộ ông Phùng Văn Q được UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: seri BC 316059, số vào sổ CH00582, ngày cấp 15-3-2012 đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả chồng ghép 02 loại Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp và bản đồ địa chính cho thấy: Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có một phần diện tích chồng lấn lên các thửa đất nông nghiệp thuộc tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính xã Q cũ, cụ thể chồng lên các thửa đất số 12, 11, 10, 9, 8, 6, 13, 14. Việc chồng lấn diện tích trên là do Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp có tỷ lệ nhỏ (1.10.000) hơn Bản đồ địa chính (1.1.000), nên Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp có tỷ lệ chính xác thấp hơn. Do vậy việc yêu cầu hủy Quyết định cá biệt liên quan đến thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính xã Q cũ, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản khai ngày 11-11-2020, của người làm chứng bà Hoàng Thị D: Bà và gia đình ông Phùng Văn Q là hàng xóm và không có mâu thuẫn gì với gia đình bà Hoàng Thị K và bà Hoàng Thị M. Năm 1997 thực hiện dự án 327 do Lâm trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn giao đất dự án có ông Hứa Đức V là Phó Chủ tịch Ủy ban xã, có Trưởng thôn Chộc Pháo là ông Âu Văn L cùng đi chỉ lô đất cho 05 hộ gia đình, đi bóc thăm lô đất trồng cây thông theo dự án 327, sau khi nhận đất xong cắm ranh giới, mốc giới phân chia thửa đất và đều trồng thông từ năm 1997. Khi bà nhận lô đất không thấy có rừng tự nhiên, chỉ là đồi cỏ bỏ hoang không có cây gỗ tạp gì mọc ở trên đất, bà được biết bà Hoàng Thị K và bà Hoàng Thị M không có rừng tự nhiên ở đồi Anh Co, thôn Chộc Pháo. Đến khoảng năm 2002, rừng thông của 05 hộ gia đình bị cháy, không có hộ gia đình nào trồng lại cây thông trên phần đất bị cháy vì thời gian đó không mua được giống cây thông con.

Tại Bản khai ngày 11-11-2020 của ông Phùng Văn Ch: Năm 1997 thực hiện dự án 327 của Lâm trường huyện L tổ chức cho các hộ gia đình bóc thăm đất, ai bóc trúng lô nào thì nhận lô đó, khi bóc thăm xong thì cán bộ xã là ông Hứa Đức V cùng ông Âu Văn L trưởng thôn C, xã Đ, cùng 05 hộ dân đi đến thực địa chỉ ranh giới lô đất, những hộ gia đình được nhận đất gồm ông Phùng Văn Q, ông Phùng Văn Ch, bà Hứa Thị Hương, ông Âu Văn L (đã chết 2018) và bà Hoàng Thị D cùng đi nhận đất tại đồi Anh Co, thôn C, xã Đ. Các thửa đất này liền nhau cùng một quả đồi. Khoảng năm 2002 rừng thông của ông và rừng

thông của Phùng Văn Q đều bị cháy mỗi nhà khoảng 01ha, gia đình ông và gia đình Phùng Văn Q đều không trồng lại vì không có cây thông con để trồng. Năm 2012, 05 hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay hai bà Hoàng Thị K và bà Hoàng Thị M lại tranh chấp với Phùng Văn Q khoảng 01ha tại Đồi Anh Co, Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông khẳng định bà Hoàng Thị K và bà Hoàng Thị M không có rừng tự nhiên ở đồi Anh Co, Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại Bản khai ngày 11-11-2020 của người làm chứng ông Hứa Đức V: Ông là hàng xóm với ông Phùng Văn Q, đối với nhà bà Hoàng Thị K và Hoàng Thị M thì có họ hàng với bên nhà chồng các bà. Từ năm 1990 đến năm 2000 ông là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Năm 1993 có dự án 327 để thực hiện cho các hộ dân trồng thông phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, ông được Đảng ủy và Ủy ban xã giao phụ trách dự án. Năm 1996- 1997, ông Phùng Văn Q bóc thăm được lô đất hiện nay, gia đình ông Phùng Văn Q vẫn đang quản lý sử dụng, sau đó ông và trưởng thôn Chộc Pháo cùng cán bộ Lâm trường huyện L đến thực địa, chỉ ranh giới, mốc giới lô đất cho dân, ông Phùng Văn Q có mặt nhận lô đất, thực tế khi nhận lô đất không có rừng cây mọc tự nhiên, không có cây gỗ gì trên đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phùng Văn Q: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Q. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn vì không có căn cứ. Về chi phí tố tụng đề nghị các bị đơn phải trả lại tiền đã chi phí cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hoàng Thị M - Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà Hoàng Thị M được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp theo mảnh trích đo khu đất tranh chấp, yêu cầu được quản lý sở hữu tài sản trên đất tranh chấp. Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phùng Văn Q, đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Về chi phí tố tụng đề nghị xem xét giải quyết theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hoàng Thị K - Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Hoàng Thị K được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp theo mảnh trích đo khu đất tranh chấp, có diện tích là: 4.389 m², yêu cầu được quản lý sở hữu tài sản trên đất tranh chấp và các loại cây tự mọc trên đất. Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T, đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Về chi phí tố tụng đề nghị xem xét giải quyết theo pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án số 03/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào các Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 19, Điều 73 Luật đất đai năm 1993;

Nghị định số 02/CP, ngày 15/01/1994 của Chính phủ.

Căn cứ các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 10, Điều 50 khoản 2, Điều 52, Điều 105, Điều 123 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1, 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004ND-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Điều 255, Điều 688, Bộ Luật dân sự năm 2005.

Căn cứ các Điều 3, Điều 4, Điều 26, Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 112, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 160, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 189, Điều 221, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 34 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 164, Điều 169, Điều 185, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, 14, 15, Điều 26 điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Q:

Hộ ông Phùng Văn Q được quản lý, sử dụng đất tranh chấp tổng diện tích là: 10.370m² và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Cụ thể: Đất tranh chấp với bà Hoàng Thị M có diện tích là: 5.981m². Đất tranh chấp với bà Hoàng Thị K, diện tích 4.389m² tại đồi Anh Co, Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q nay xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 15-3-2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ gia đình ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T. Khu đất có kích thước các cạnh tương ứng tại mảnh trích đo địa chính, do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S- Chi nhánh Lạng Sơn. (Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo Bản án).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K về hủy một phần Giấy chứng nhận ngày 15-3-2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ gia đình ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T.

3. Về chi phí xem xét, giám định, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí đo đạc: Buộc bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K phải chịu các chi phí tố tụng với tổng số tiền là 22.709 000 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm linh chín nghìn đồng). Cụ thể chia theo phần: Bà Hoàng Thị K 10.139.000 đồng; bà Hoàng Thị M 12.570.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi xuất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong hạn luật định, bà Hoàng Thị M, kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Q.

Hủy một phần GCNQSDĐ đối với phần diện tích tranh chấp là 5981m² thuộc thửa đất 141.1 theo bản trích đo.

Về tài sản trên đất: Công nhận quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và các cây gỗ tạp có trên đất cho gia đình bà quản lý, sử dụng.

Bà Hoàng Thị K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử:

Hủy một phần GCNQSDĐ đất đã cấp cho ông Phùng Văn Q, đối với diện tích 4389m² thuộc một phần thửa đất 141.2, tờ bản đồ số 01 đã cấp cho ông Quỳnh.

Buộc ông Phùng Văn Q phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng.

Giải quyết cho gia đình bà được quyền quản lý sử dụng 4389m² đất tranh chấp và toàn bộ tài sản có trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phùng Văn Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Quỳnh vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhưng không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K, đều đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Bị đơn bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K kháng cáo nhưng không cung cấp được các căn cứ và tài liệu chứng minh phục vụ cho việc kháng cáo của mình. Tuy nhiên, về chi phí Tố tụng, Bản án sơ thẩm buộc bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị K chịu toàn bộ chi phí tố tụng là chưa đảm bảo. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã tự nguyện chịu một phần chi phí tố tụng, đối với phần chi vượt quá. Ngoài ra, đã làm rõ trên đất tranh chấp không còn cây đã hương cây đã hương như Bản án đã tuyên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K về việc được quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp. Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn về chi phí tố tụng và tài sản trên đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Phương Th, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan là Phùng Thị V, Phùng Thị N, Phùng Văn M, Lý Văn T, Lý Thị N, Lý Văn Y, Lý Thị T, Lý Thị T, Lý Văn C, Lý Thị H, Lý Thị SLáy, Lý Thị Phàn, Lý Văn L và những người làm chứng Âu Trung Tr, Hoàng Thị D. Một số người có đơn xin xét xử vắng mặt, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị M, yêu cầu cấp phúc thẩm xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Q. Hủy một phần GCNQSĐĐ đối với phần diện tích tranh chấp là 5981m² thuộc thửa đất 141.1 theo bản trích đo. Công nhận quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và các cây gỗ tạp có trên đất cho gia đình bà quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng: vị trí đất tranh chấp có địa danh là đồi Anh Co, thôn Ch, xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trong đó tranh chấp giữa ông Phùng Văn Q với bà Hoàng Thị M diện tích 5.981m². Tài sản trên đất tranh chấp gồm: 01 cây sau sau đường kính trên 20-30cm, các loại cây gỗ thông tự mọc hai bên đường sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Bản trích đo khu đất tranh chấp, do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ Tài nguyên và Môi trường S chi nhánh Lạng Sơn đo vẽ ngày 12-01-2021 thì diện tích đất thửa số 141, tờ bản đồ số 01 đất đang tranh chấp không có sự chồng lấn lên các thửa đất nông nghiệp trên. Điều này cũng phù hợp với Công văn số 670/CV-UBND, ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì năm 1997 Nhà nước đã giao đất, giao rừng cho ông Phùng Văn Q, do Lâm trường huyện L nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp huyện L, tỉnh Lạng Sơn gồm có Đơn xin nhận đất để trồng, chăm sóc bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn năm 1997, Hợp đồng khoán, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án thuộc chương trình 327/CT số: 219/HĐK, ngày 01-4-1997, Phiếu thanh toán số: 53/LT, ngày 30-12-1997. Theo đó xã tổ chức cho 05 hộ dân, đi chỉ lô và bóc thăm lô đất, mỗi nhà có một người đại diện đi nhận đất, trong đó có bà Hoàng Thị D, ông Âu Văn L bà Hứa Thị Hương, ông Phùng Văn Ch và ông Phùng Văn Q đi bóc thăm nhận đất cùng một ngày tại đồi Anh Co, thôn C, xã Đ, huyện Lộc Bình. Sau khi nhận đất, các hộ dân thực hiện cắm ranh giới, mốc giới phân chia thửa đất xong, Lâm trường L cung cấp giống cây thông để trồng từ năm 1997. Năm 2008 Lâm trường L nghiệm thu và quyết toán thanh lý hợp đồng khoán cho dân theo quy định của pháp luật. Năm 2012 gia đình bà Hoàng Thị M cũng kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu đất cạnh đó. Cụ thể: Ông Lý Văn P (chồng bà Hoàng Thị M) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BC316516, số vào sổ: GCN CH00519, tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất làm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với diện tích: 3.4666.m² do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15-3-2012. Tại thời điểm kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xảy ra tranh chấp với ai. Ngày 15-3-2012 hộ ông Phùng Văn Q đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số:

BC316059, số vào sổ: GCN CH00582, tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất làm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với diện tích: 25.691m² ông Phùng Văn Q sử quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đến năm 2019 xảy ra tranh chấp với bà Hoàng Thị M và việc bị đơn khai khi đó mới biết ông Phùng Văn Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào phần diện tích đất của ông cha để lại mà gia đình bà Mùi đang quản lý, sử dụng là không có căn cứ. Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ không chấp nhận yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 5981m² thuộc thửa đất 141.1 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T. Tuy nhiên, tại mục [20] của Bản án sơ thẩm đã nhận định, nhưng không quyết định đình chỉ đối với diện tích nguyên đơn đã rút yêu cầu (829m²+132m²+83m²= 1.044m²) là thiếu sót, cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm. Hơn nữa, đối với nội dung này các đương sự không có kháng cáo và không bị kháng nghị, không có khiếu nại gì, các quyền và nghĩa vụ vẫn được đảm bảo, không bị ảnh hưởng.

[3] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị K, yêu cầu cấp phúc thẩm xử: Hủy một phần GCNQSD đất đã cấp cho ông Phùng Văn Q, đối với diện tích 4389m² thuộc một phần thửa đất 141.2, tờ bản đồ số 01 đã cấp cho ông Quỳnh. Giải quyết cho gia đình bà được quyền quản lý sử dụng 4389m² đất tranh chấp và toàn bộ tài sản có trên đất. Hội đồng xét xử thấy rằng; kháng cáo của bà Hoàng Thị K không có căn cứ để chấp nhận. Bởi, vị trí đất tranh chấp có địa danh là đồi Anh Co, thôn Ch, xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trong đó tranh chấp giữa ông Phùng Văn Q với bà Hoàng Thị K diện tích 4389m². Tài sản trên đất tranh chấp gồm: 06 cây sau sau đường kính trên 20-30cm, các loại cây gỗ thông tự mọc hai bên đường sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Mảnh trích đo khu đất tranh chấp, do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ Tài nguyên và Môi trường S chi nhánh Lạng Sơn đo vẽ ngày 12-01-2021 thì diện tích đất thửa số 141, tờ bản đồ số 01 đất đang tranh chấp không có sự chồng lấn lên các thửa đất nông nghiệp trên. Điều này cũng phù hợp với Công văn số 670/CV-UBND, ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì năm 1997 Nhà nước đã giao đất, giao rừng cho ông Phùng Văn Q, do Lâm trường huyện L nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 15-3-2012 hộ ông Phùng Văn Q đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BC316059, số vào sổ: GCN CH00582, tại thửa đất số: 141, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất làm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với diện tích 25.691m² ông Phùng Văn Q sử quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đến năm 2019 xảy ra tranh chấp với bà Hoàng Thị K và bà cho rằng khi xảy ra tranh chấp bà mới biết ông Phùng Văn Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào phần diện tích đất của ông cha để lại mà gia đình bà đang quản lý, sử dụng là không có căn cứ. Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị K.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Q được chấp nhận và các bên không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu số tiền trên. Theo

quy định tại khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 159 khoản 1 Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút phần diện tích chỉ thừa 829m² đất nằm trong thửa 124 mang tên ông Lý Văn P, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị K phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là không chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã tự nguyện chịu chi phí về phần diện tích chỉ thừa là 829m², thuộc phần đất tranh chấp với bà Hoàng Thị M. Bởi vậy, kháng cáo của bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị K về phần chi phí tố tụng có căn cứ để xem xét, tính theo tỉ lệ cụ thể như sau: Ông Phùng Văn Q phải chịu 1.709.000 đồng (một triệu bảy trăm linh chín nghìn đồng), đối với phần diện tích chỉ thừa là 829m², xác nhận ông đã nộp đủ. Buộc bà Hoàng Thị M phải chịu 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), đối với phần diện tích 5981m² đất, thuộc thửa đất 141.1. Bà Hoàng Thị K phải chịu 09.000.000 đồng (chín triệu đồng), đối với phần diện tích 4389m² thuộc một phần thửa đất 141.2, để trả cho ông Phùng Văn Q số tiền chi phí tố tụng và phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[5] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra có căn cứ pháp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị K đưa ra được chấp nhận một phần.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12,14,15, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định, có đơn xin miễn án phí, do đó bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị K vì không có căn cứ. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Đình chỉ giải quyết đối với phần diện tích 829m² tại thửa đất số 124.1, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn quy chủ là ông Lý Văn P, vị trí từ điểm A1,A2,A13, các điểm tiếp giáp theo mép ruộng của bà Hoàng Thị M từ điểm A3,A4,A5 diện tích 83m² và

các điểm A5,A6,A7 diện tích là: 132m^2 . Tổng diện tích là $(829\text{m}^2+132\text{m}^2+83\text{m}^2= 1.044\text{m}^2)$.

2. Căn cứ các Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 19, Điều 73 Luật đất đai năm 1993, Nghị định số 02/CP, ngày 15/01/1994 của Chính phủ.

Căn cứ các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 10, Điều 50 khoản 2, Điều 52, Điều 105, Điều 123 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1, 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004NĐ- CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Điều 255, Điều 688, Bộ Luật dân sự năm 2005.

Căn cứ các Điều 3, Điều 4, Điều 26, Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 112, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 160, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 189, Điều 221, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 34 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 164, Điều 169, Điều 185, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, 14, 15, Điều 26 điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Q:

Hộ ông Phùng Văn Q được quản lý, sử dụng đất tranh chấp tổng diện tích là: 10.370m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm 07 cây sau sau. Cụ thể: Đất tranh chấp với bà Hoàng Thị M có diện tích là: 5.981m^2 . Đất tranh chấp với bà Hoàng Thị K, diện tích 4.389m^2 tại đồi Anh Co, Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 141, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q nay xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Seri: BC316059, số vào sổ: GCN CH00582, ngày 15-3-2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ gia đình ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T.

Khu đất có kích thước các cạnh tương ứng tại mảnh trích đo địa chính hệ tọa độ VN 2000 (tờ bản đồ 01 xã Q cũ) do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S- Chi nhánh Lạng Sơn (Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo Bản án).

Hộ ông Phùng Văn Q có trách nhiệm làm thủ tục chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K về hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số: Seri: BC316059, số vào sổ: GCN CH00582, ngày 15-3-

2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ ông Phùng Văn Q và bà Dương Thị T đối với diện tích đất tranh chấp.

4. Về chi phí xem xét, giám định, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí đo đạc: Ông Phùng Văn Q phải chịu 1.709.000 đồng (một triệu bảy trăm linh chín nghìn đồng). Xác nhận ông Phùng Văn Q đã nộp đủ.

5. Buộc bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K phải chịu các chi phí tố tụng còn lại để trả cho ông Phùng Văn Q. Cụ thể:

Bà Hoàng Thị K phải chịu 09.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Bà Hoàng Thị M phải chịu 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

6. Về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả: Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho ông Phùng Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0001404, ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến

